

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21A/2023/QĐXXST-DS ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số abc, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đặng Thị Minh N – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chuyên Q.

Người được bà Đặng Thị Minh N uỷ quyền lại là: Ông Nguyễn Quang H, sinh ngày 04/06/1986 – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chuyên Q

Địa chỉ: Tổ 5, phường Tr, Tp. T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Ông Phạm Đăng Q, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1995

+ Chị Phạm Thị Th1, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Bà N có mặt; ông Q, chị Th, chị Th1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn Ngân hàng C có yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 30/9/2016, hộ ông Phạm Đăng Q là hộ nghèo (trong hộ gồm ông Phạm Đăng Q và 02 con là chị Phạm Thị Th, sinh năm 1995 và Phạm Thị Th1, sinh năm 2002) được tổ tiết kiệm và vay vốn do ông Nguyễn Văn Ti làm tổ trưởng, Hội cựu chiến binh xã A – Đơn vị nhận ủy thác vốn vay quản lý, bình xét và đã được Ủy ban nhân dân xã A phê duyệt, lập hồ sơ vay vốn Chương trình hộ nghèo tại Ngân hàng chuyên Q, tỉnh Thái Bình. Số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng, mục đích vay để sử dụng chăn nuôi bò sinh sản; lãi suất: 0.55%/tháng; lãi quá hạn: 130% lãi suất trong hạn; thời hạn cho vay là 33 tháng; kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần; số tiền trả nợ 13.300.000đ/lần. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/6/2019; Tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 (theo Sổ vay vốn mã KH: 7076465232; Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/9/2016 ông Q đã ký mục người vay và Ngân hàng đã phê duyệt). Ngày 30/9/2016 ngân hàng đã giải ngân cho ông Q vay đủ số tiền 40.000.000 đồng.

Quá trình trả nợ, hộ ông Q thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như đã thỏa thuận. Cụ thể như sau:

Đến hạn thanh toán (14/6/2019) hộ ông Q chỉ trả được tiền lãi hàng tháng, còn đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng hộ ông Q chưa trả được cho ngân hàng. Để tạo điều kiện cho ông Q trả nợ, ngân hàng đã 02 lần gia hạn nợ cho hộ ông Q: Lần 1 gia hạn nợ 3 tháng (từ 14/6/2019 đến 14/9/2019); lần 2 gia hạn nợ 01 năm (từ 14/9/2019 đến 14/9/2020) nhưng hộ ông Q vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Từ ngày 14/9/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền gốc và lãi mà hộ ông Q còn nợ sang nợ quá hạn.

Qua nhiều lần làm việc, đôn đốc, đến ngày 14/6/2021 hộ ông Q mới thanh toán cho Ngân hàng: 1.000.000 đồng tiền gốc và tổng số tiền lãi ông Q đã thanh toán cho ngân hàng tính đến ngày 14/01/2022 là: 9.315.225 đồng.

Từ đó hộ ông Q lại tiếp tục chây ì không trả, gây thiệt hại cho Nhà nước. Tạm tính đến ngày 30/4/2023, hộ ông Q còn nợ Ngân hàng C như sau:

- Tiền gốc: 39.000.000 đồng

- Lãi: 10.027.282 đồng

Tổng là: 49.027.282 đồng

Vậy Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Đăng Q và 02 con là chị Phạm Thị Th và chị Phạm Thị Th1 phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ Ngân hàng theo như đã thỏa thuận.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2023, bị đơn ông Phạm Đăng Q trình bày:*

Ngày 30/9/2016, ông có vay của Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền 40.000.000 đồng thông qua Hội cựu chiến binh xã A. Lúc này ông đang thuộc diện hộ nghèo của xã. Thời điểm ông vay, trong hộ còn có 02 thành viên khác là Phạm Thị Th và Phạm Thị Th1 (đều là con đẻ của ông với bà Phạm Thị L đã ly hôn từ khoảng năm 2004 - 2005), chị Th và chị Th1 không biết và không liên quan gì đến khoản vay của ông với Ngân hàng. Trong thời gian vay ông có trả cho Ngân hàng được 1.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Đến thời hạn phải trả nợ, do ông gặp nhiều khó khăn nên ông đã xin khất với tổ vay vốn và Ngân hàng, xin được trả nợ 1.000.000 đồng/tháng cả gốc và lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông đề nghị Ngân hàng cho ông được trả nợ 1.000.000 đồng/tháng. Hiện nay gia đình ông đã bị cắt hộ nghèo. Do bận công việc nên ông từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt nhưng không có đơn gửi Tòa án.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Th và Phạm Thị Th1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

- *Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, tổ tiết kiệm và vay vốn xã A, huyện Quỳnh Phụ cho kết quả phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C và ông Phạm Đăng Q về số tiền vay và quá trình trả nợ. Ủy ban nhân dân xã A cũng cung cấp thông tin hiện tại ông Q không nằm trong danh sách hộ nghèo của địa phương.*

- *Tại phiên tòa:*

+ *Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Đăng Q, rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Phạm Thị Th và chị Phạm Thị Th1, đề nghị Tòa án buộc ông Q phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2023 gồm: Tiền gốc: 39.000.000 đồng; tiền lãi: 11.384.096 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn: 1.764.821 đồng, lãi quá hạn: 9.619.275 đồng), tổng cộng là: 50.384.096 đồng theo đúng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết.*

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

không chấp hành pháp luật tổ tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, chấp nhận việc Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Phạm Thị Th và chị Phạm Thị Th1. Buộc ông Q phải trả cho Ngân hàng C số tiền vốn và lãi tính đến ngày 25/9/2023 là 50.384.096 đồng. Trong đó, gốc là 39.000.000 đồng, lãi là 11.384.096 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Phạm Đăng Q là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về khoản tiền vay. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Thái Bình và ông Phạm Đăng Q được xác lập qua sổ vay vốn (mã KH: 7076465232); giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 (*thời điểm này Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực pháp luật*) nên được xem là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên cũng như trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Ông Q đã trực tiếp ký hợp đồng vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q từ ngày 26/9/2016 và số tiền vay nợ đó đã kéo dài

nhiều năm, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo thu hồi nợ quá hạn, đã tạo điều kiện cho ông Q gia hạn nợ nhưng đến nay ông Q vẫn không trả được nợ như đã cam kết.

[2.2] Tại biên bản ghi lời khai, ông Q xác nhận có vay vốn theo Chương trình cho vay hộ nghèo của Ngân hàng C, số tiền đã được Ngân hàng giải ngân cho vay là 40.000.000 đồng vào ngày 30/9/2016. Ông đã trả được 1.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 39.000.000 đồng tiền gốc và khoản tiền lãi như Ngân hàng đã thống kê ông chưa trả được do hoàn cảnh rất khó khăn. Ông đề nghị Ngân hàng cho ông trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cả gốc và lãi nhưng ông không tham gia tố tụng tại Tòa án. Lời khai của ông Q thể hiện sự thừa nhận khoản vay nêu trên đồng thời phù hợp với đơn khởi kiện, lời khai của những người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nêu yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Q là hoàn toàn có căn cứ.

[2.3] Thời điểm vay vốn, trong hộ ông Q còn có các thành viên khác là 02 con của ông Q gồm: chị Phạm Thị Th, sinh năm 1995 (đã trên 18 tuổi) và chị Phạm Thị Th1, sinh năm 2002 (thời điểm vay vốn, chị Th1 chưa đủ 18 tuổi). Ông Q đứng tên giao kết hợp đồng vay vốn theo Chương trình hộ nghèo để chăn nuôi bò sinh sản song mục đích thực tế ông Q khai là dùng để đóng học cho con. Đây là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, lẽ ra ông Q và các thành viên trong hộ (từ đủ 18 tuổi trở lên) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên xét thủ tục, hồ sơ cho vay không đầy đủ, không có giấy ủy quyền của các thành viên trong hộ ủy quyền cho ông Q thay mặt hộ gia đình ký vay Ngân hàng, ông Q khẳng định chị Th, chị Th1 không biết gì về khoản vay nêu trên nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản vay của cá nhân ông Phạm Đăng Q, chị Th và chị Th1 không có trách nhiệm liên đới đối với khoản vay này. Mặt khác, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C cũng rút yêu cầu buộc chị Th, chị Th1 phải liên đới cùng ông Q trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn:

Theo Sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ thì số tiền gốc ông Q còn nợ ngân hàng là 39.000.000 đồng; tiền lãi gồm lãi suất trong hạn là 0.55%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Ông Q còn nợ lãi trong hạn tính đến ngày 13/9/2020 là: 1.764.821 đồng; từ ngày 14/9/2020 khoản vay của ông Q chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng chỉ tính lãi suất quá hạn trên khoản nợ gốc còn chưa thanh toán, theo phương pháp tính phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành nên đủ căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng C, thu hồi vốn cho Nhà nước, đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng theo luật định,

cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Phạm Đăng Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 39.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2023) là 11.384.096 đồng, tổng cộng là: 50.384.096 đồng.

Trường hợp ông Q chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, ông Q còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định chung của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn ông Phạm Đăng Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: (50.384.096 đồng x 5%) = 2.519.000 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với ông Phạm Đăng Q:

Buộc ông Phạm Đăng Q trả cho Ngân hàng C tổng số tiền là 50.384.096 đồng (*năm mươi triệu ba trăm tám mươi tư nghìn không trăm chín mươi sáu đồng*) theo Sổ vay vốn mã KH: 7076465232 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/9/2016, trong đó:

+ Tiền gốc: 39.000.000 đồng

+ Tiền lãi: 11.384.096 đồng (bao gồm: lãi trong hạn: 1.764.821 đồng; lãi quá hạn: 9.619.275 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Đăng Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc buộc chị Phạm Thị Th và chị Phạm Thị Th1 phải có trách nhiệm liên đới cùng ông Phạm Đăng Q trả nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Ông Phạm Đăng Q phải nộp số tiền 2.519.000 đồng (*hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng C và người đại diện hợp pháp (theo pháp luật hoặc ủy quyền) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng